VGP
Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 24.07.2015 15:25:58 +07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 748 /BKHĐT-TH	*Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015*

V/v Giải quyết kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIII

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Giờ: C ngày 12/2
Kính chuyển: Đ/c. Nên

Kính gửi: Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo yêu cầu của Ban Dân nguyện - Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (văn bản số 488/BDN ngày 05/12/2014, 510/BDN ngày 26/12/2014) và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (văn bản số 9181/VPCP-V.III ngày 17/11/2014; 10245/VPCP-V.III, 10251/VPCP-V.III ngày 22/12/2014) đề nghị trả lời các kiến nghị của cử tri, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu và trả lời các kiến nghị thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư của cử tri địa phương gửi tới Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khoá XIII.

Kính gửi Đồng chí các nội dung tại Phụ lục kèm theo để trả lời cử tri được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Ban Dân nguyện (UBTVQH);
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ trưởng Bộ KH&ĐT;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT, Vụ THKTQD.

BỘ TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Bùi Quang Vinh

Thành phố Hải Phòng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI GỬI TỚI KỲ HỌP THỨ TÁM, QUỐC HỘI KHÓA XIII LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo văn bản số 748 /BKHĐT-TH ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Kiến nghị số 1 (Số thứ tự 19 theo văn bản số 488/BDN)

Hiện nay, quy định hiện hành về đầu tư và sản xuất kinh doanh còn mâu thuẫn, có những mặt hàng cấm sản xuất kinh doanh nhưng lại không nằm trong danh mục cấm hoạt động đầu tư và ngược lại. Cử tri đề nghị Chính phủ rà soát kỹ các danh mục hàng hóa cấm sản xuất kinh doanh, các hoạt động đầu tư bị cấm để quy định chi tiết, cụ thể tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện.

Trả lời:

Trong quá trình hoàn thiện Luật đầu tư sửa đổi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát Danh mục ngành nghề, mặt hàng cấm đầu tư, kinh doanh hoặc đầu tư kinh doanh có điều kiện để quy định thống nhất tại Luật đầu tư được thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội Khóa XIII. Các Danh mục nêu trên đã loại bỏ một số ngành nghề, mặt hàng trùng lặp, mâu thuẫn tạo điều kiện để doanh nghiệp thực hiện.

Kiến nghị số 2 (Số thứ tự 30 theo văn bản số 488/BDN):

Cử tri đề nghị Chính phủ nâng mức đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn, ưu tiên đầu tư cho những xã nghèo, vùng sâu, vùng xa và có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đặc biệt là cơ chế chính sách để khuyến khích nhà khoa học nghiên cứu, ứng dụng vào nông nghiệp.

Trả lời:

- Thực hiện Nghị quyết Quốc hội về đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn những năm qua vốn NNSN đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn luôn tăng ở mức 5 năm sau gấp 2 lần 5 năm trước; đối với xã nghèo, vùng sâu, vùng xa đã có nhiều chính sách đầu tư, hỗ trợ như chương trình 135, Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, Chương trình giảm nghèo bền vững,.. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Quốc hội đã ban hành

Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2013 về việc phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016 để xây dựng nông thôn mới trong đó ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn

- Chính phủ đã ban hành Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP với các mức hỗ trợ cao cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn từ đất đai, nguồn ngân lực, phát triển thị trường và cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất. Tại Nghị định cũng quy định về mức hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ ở mức 3 tỷ đồng/dự án thử nghiệm, trong đó khuyến khích liên kết với các nhà khoa học, viện nghiên cứu trong thực hiện đề tài.

Kiến nghị số 3 (Số thứ tự 31 theo văn bản số 488/BDN):

Cử tri đề nghị Chính phủ quan tâm, tạo điều kiện về nguồn vốn để thực hiện dự án xây dựng phát triển trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành trường trọng điểm quốc gia, thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển kinh tế biển và cung cấp nhân lực cho lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển và Kiểm ngư Việt Nam.

Cử tri đề nghị Chính phủ xem xét, hỗ trợ về kinh phí để tiếp tục hoàn thiện các công trình, dự án xây dựng Trường Đại học Hải Phòng đã được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực cho Hải Phòng và cả vùng.

Trả lời:

Trường Đại học Hàng Hải đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào danh sách các trường đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (văn bản số 1317/TTg-KGVX ngày 22/8/2013).

Liên tục trong nhiều năm qua, Trường Đại học Hàng Hải đã và đang được ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn ngành giáo dục và đào tạo và nguồn vốn ngành khoa học và công nghệ cả nguồn vốn trong nước và nguồn vốn nước ngoài. Tuy nhiên, nhu cầu của Trường rất lớn trong khi khả năng ngân sách có hạn, vì vậy, nhà trường cần chủ động huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các dự án đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực biển như đề nghị của cử tri thành phố Hải Phòng.

Thành phố Hải Phòng

Kiến nghị số 4 (Số thứ tự 32 theo văn bản số 488/BDN):

Hải Phòng là thành phố ven biển, tuy nhiên việc đầu tư phát triển kinh tế vùng biển, hải đảo chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương. Đề nghị Chính phủ quan tâm có cơ chế, chính sách đặc biệt trong đầu tư - phát triển kinh tế biển, đảo tạo điều kiện để Hải Phòng khai thác phát huy mọi tiềm năng thế mạnh phát triển kinh tế biển theo Quyết định số 568/QĐ-TTg, ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế đảo Việt Nam đến năm 2020, Quyết định số 34/QĐ-TTg, ngày 02/3/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ đến năm 2020.

Trả lời:

Đảng, Nhà nước vẫn thường xuyên quan tâm đến việc đầu tư các đảo gần bờ, hạ tầng bờ qua các cơ chế chính sách hỗ trợ vốn. Đặc biệt, trong năm 2014, Chính phủ đã ra chủ trương hỗ trợ 16.000 tỷ đồng cho các ngư dân đóng tàu đánh bắt xa bờ; đóng tàu, trang thiết bị cho cảnh sát biển, lực lượng kiểm ngư. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã có các chương trình hỗ trợ cho người dân sinh sống trên các đảo, nổi bật là Chương trình nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thuỷ lợi trên các đảo có đông dân cư năm 2014.

Đối với Thành phố Hải Phòng, cụ thể là huyện đảo Bạch Long Vĩ đã được Chính phủ hỗ trợ là 221,55 tỷ đồng, gồm các dự án đầu tư đóng mới tàu thủy chở hành khách: 30 tỷ đồng, Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi, cấp nước cho đảo Bạch Long Vỹ: 30 tỷ đồng và Dự án đầu xây dựng cảng và khu neo đậu tầu phía Tây Bắc đảo Bạch Long Vỹ:161,55 tỷ đồng.

Kiến nghị số 5 (Số thứ tự 33 theo văn bản số 488/BDN):

Cử tri đề nghị Chính phủ có những chính sách cụ thể để đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, đô thị cho những phường mới được hình thành khi điều chỉnh địa giới, đơn vị hành chính. Bên cạnh đó, có chính sách đầu tư cụ thể với những xã đang thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nhưng chưa hoàn thành nay được chuyển thành đơn vị phường và các phường chủ yếu sản xuất nông nghiệp.

Trả lời:

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng các phường mới được thành lập thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, hiện nay NSTW không có chương trình hỗ trợ có mục tiêu cho nhiệm vụ này. Đề nghị UBND Thành phố Hải Phòng xem xét cân đối nguồn vốn NSĐP để đầu tư các dự án này.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 với mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã trên toàn quốc. Vì vậy, đối với các xã chuyển thành phường thì không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới. Đối với các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới chưa hoàn thành, các địa phương cân nhắc theo định hướng phát triển đô thị của địa phương để điều chỉnh chỉ tiêu, huy động các nguồn lực để thực hiện cho phù hợp.

Kiến nghị số 6 (Số thứ tự 34 theo văn bản số 488/BDN):

Đề nghị Chính phủ quan tâm chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan sớm bố trí nguồn vốn xây dựng Trung tâm bảo vệ hàng hải - tìm kiếm cứu nạn trên đảo Bạch Long Vỹ đã được đề ra tại Kết luận số 72/KL-TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trả lời:

Dự án đầu tư xây dựng Trạm phối hợp tìm kiếm cứu nạn đảo Bạch Long Vỹ của Bộ Quốc phòng do Quân chủng Hải quân làm chủ đầu tư. Dự án có tổng mức đầu tư được duyệt là 93,185 tỷ đồng; thời gian thực hiện từ năm 2011- 2015. Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2014 của dự án đạt 89 tỷ đồng; kế hoạch năm 2015 bảo đảm thanh toán khối lượng hoàn thành dự án. Quy mô dự án gồm: xây dựng 01 nhà Trạm chỉ huy điều hành (230 m^2, cấp 3) và các công trình phụ trợ, cứu hộ, y tế quân dân y; trang bị: 01 tàu tuần tra kết hợp tìm kiếm cứu nạn (CN09); 04 xuồng cứu hộ (composite) cùng các trang thiết bị phụ trợ cứu hộ, y tế, trang bị thông tin liên lạc; 01 cẩu tự hành và các vật tư, trang bị dự phòng thay thế.

Dự án triển khai đúng tiến độ, có hiệu quả đầu tư cao. Góp phần tích cực nâng cao năng lực phối hợp tuần tra và thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trên biển nói chung, đối với Hải Phòng nói riêng.

Thành phố Hải Phòng

Kiến nghị số 7 (Số thứ tự 35 theo văn bản số 488/BDN):

Những năm qua, nhiều địa phương đã cấp chứng nhận đầu tư và cấp đất ồ ạt cho các nhà đầu tư nước ngoài để thu hút nguồn vốn FDI, tuy nhiên sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư, nhiều chủ đầu tư để đất bỏ hoang không thực hiện dự án hoặc sang tay chuyển nhượng dự án cho các nhà đầu tư ngoại khác để kiếm lời. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, rà soát kỹ các dự án đang bỏ hoang để xử lý theo quy định của pháp luật, bên cạnh đó đề nghị các Bộ, ngành chức năng xét duyệt kỹ các dự án xin cấp phép đầu tư, năng lực của chủ đầu tư trước khi cấp giấy phép đầu tư, đặc biệt là các dự án ven biển nằm trong khu vực trọng yếu về an ninh – quân sự.

Trả lời:

Đối với vấn đề cử tri nêu về việc những năm qua, nhiều địa phương đã cấp giấy chứng nhận đầu tư và cấp đất ồ ạt cho các nhà đầu tư nước ngoài để thu hút nguồn vốn FDI, tuy nhiên sau khi cấp giấy chứng nhận đầu tư, nhiều chủ đầu tư để đất bỏ hoang không thực hiện dự án hoặc sang tay chuyển nhượng dự án cho các nhà đầu tư khác để kiếm lời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng thực tế công tác thẩm tra và cấp phép đối với các dự án có quy mô lớn, sử dụng nhiều đất đã ngày càng được tiến hành chặt chẽ, việc quản lý nhà nước về đầu tư sau cấp phép đã ngày càng được nâng cao nên sự việc cử tri nêu đã và đang được khẩn trương khắc phục.

Thực tế, thông qua công tác thống kê và quản lý nhà nước về đầu tư, Bộ kế hoạch và Đầu tư nhiều lần có văn bản nhắc nhở các địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án có quy mô lớn, sử dụng nhiều đất và nếu dự án không triển khai, đủ điều kiện thu hồi giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và đất đai, cần phải kịp thời thu hồi giấy chứng nhận đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến của cử tri về việc rà soát các dự án cũng lưu ý các cơ quan cấp phép trong việc xem xét, thẩm tra các dự án trong giai đoạn thẩm tra đặc biệt với các dự án có quy mô lớn, sử dụng nhiều đất, dự án đặt trong địa bàn nhạy cảm về quốc phòng, an ninh.

Kiến nghị số 8 (Số thứ tự 36 theo văn bản số 488/BDN):

Hiện nay, việc cấp phép đầu tư cho các dự án xây dựng sân golf sử

dụng diện tích đất nông nghiệp rất lớn. Cử tri đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tính khả thi của dự án đầu tư xây dựng sân golf trước khi cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Trả lời:

Hiện nay, việc thẩm định quy hoạch sân golf; thẩm định cấp Giấy chứng nhận đầu tư xây dựng các sân golf đã nằm trong quy hoạch tuân theo bộ tiêu chí xây dựng và điều kiện hình thành sân golf được quy định tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sân golf Việt nam đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1946/QĐ-TTg) và Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch sân golf theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 11/CT-TTg).

Bộ tiêu chí xây dựng và điều kiện hình thành sân golf tại Quyết định 1946/QĐ-TTg quy định rõ các tiêu chí và điều kiện về sử dụng đất, về bảo vệ môi trường, sự phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, không ảnh hưởng và làm tổn hạn đến các di sản văn hóa, an ninh, quốc phòng; đảm bảo giải quyết cơ bản việc làm cho người bị thu hồi đất; về năng lực tài chính của nhà đầu tư, về hiệu quả kinh tế - xã hội của sân golf...

Trong số các tiêu chí và điều kiện về sử dụng đất để xây dựng sân golf có quy định cụ thể về sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng sân golf, cụ thể như sau:

Tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg: *"Tiêu chí tổng hợp quan trọng nhất của một sân golf tuyệt đối không được sử dụng đất lúa 2 vụ. Trường hợp phải sử dụng đất lúa để xây dựng sân golf thì chỉ được sử dụng đất lúa một vụ năng suất thấp, hiệu quả kinh tế không cao với diện tích không quá 5% tổng diện tích một sân golf đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không được sử dụng đất thuộc quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị, đất rừng (đặc biệt là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng) để xây dựng sân golf"*.

Tại Chỉ thị số 11/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm *"công bố và khẳng định rõ các dự án sân golf không sử dụng đất lúa (kể cả đất lúa một vụ năng suất thấp), đất màu, đất trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đất quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị để xây dựng sân golf"*.

Như vậy, sau khi có Quyết định số 1946/QĐ-TTg và Chỉ thị số 11/CT-TTg toàn bộ các dự án đầu tư xây dựng sân golf đều được xem xét đánh giá cụ thể về sử dụng đất, trong đó có đất nông nghiệp và đánh giá tính khả thi của dự án khi thẩm định cấp Giấy chứng nhận đầu tư cũng như thẩm định đưa vào quy hoạch sân golf.

Kiến nghị số 9 (Số thứ tự 82 theo văn bản số 488/BDN):

Hiện nay, tình trạng nhiều doanh nghiệp thành lập nhưng không hoạt động diễn ra phổ biến, các doanh nghiệp này vẫn tồn tại nhưng không thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh hay tiến hành giải thể doanh nghiệp, không nộp lại đăng ký kinh doanh gây khó khăn cho công tác quản lý. Cử tri đề nghị Chính phủ quy định chế tài cụ thể để giải quyết và xử lý hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, về thời gian hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu doanh nghiệp không thực hiện hoạt động kinh doanh.

Trả lời:

Luật Doanh nghiệp 2014 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 không quy định về thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, để từng bước lành mạnh hóa, trong sạch hóa môi trường kinh doanh, kế thừa những quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 quy định 6 trường hợp vi phạm pháp luật của doanh nghiệp sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó có các trường hợp: (i) *Ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;* (ii) *Doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 209 của Luật này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản.* Như vậy, những doanh nghiệp đăng ký thành lập nhưng không hoạt động hoặc ngừng hoạt động trong 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế theo quy định sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Kiến nghị số 10 (Số thứ tự 89 theo văn bản số 488/BDN):

Theo quy định pháp luật hiện hành thì thời gian từ khi nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh làm giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến khi nhận con

dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu là quá dài (15 ngày). Cử tri kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu rút ngắn quy trình, thủ tục và thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký mẫu dấu và con dấu từ 15 ngày xuống còn 7 ngày làm việc, đồng thời rút ngắn thời gian xin cấp lại và đăng ký mẫu dấu của doanh nghiệp.

Trả lời:

Thực tế áp dụng trong thời gian qua đã cho thấy những điểm bất cập lớn trong quy định pháp lý về con dấu doanh nghiệp, điển hình là việc trao cho con dấu quá nhiều "quyền năng" dẫn đến những hậu quả từ việc tranh chấp, làm giả con dấu. Trên cơ sở xem xét điều kiện thực tiễn và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về vấn đề quản lý và sử dụng con dấu doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp 2014 đã có những điểm sửa đổi được coi là một bước cải cách trong vấn đề này. Theo đó, doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu theo quy định của pháp luật và có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, theo quy định mới này, doanh nghiệp sẽ không còn phải đăng ký mẫu dấu với cơ quan công an. Quy định này không chỉ giúp doanh nghiệp giải quyết những bất cập liên quan đến con dấu doanh nghiệp phát sinh trên thực tế trong thời gian qua mà còn tiết kiệm được đáng kể thời gian và chi phí cho doanh nghiệp trong khâu gia nhập thị trường.

Kiến nghị số 11 (Số thứ tự 143 theo văn bản số 10245/VPCP-V.III):

Cử tri đề nghị Chính phủ giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo công khai quy hoạch 5 năm/lần đối với những khu vực sản xuất công nghiệp - dịch vụ - thương mại, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tự do hoạch định, lựa chọn ngành nghề kinh doanh phù hợp chiến lược sản xuất kinh doanh, thích ứng với đòi hỏi của thị trường, phù hợp với quy hoạch đã công bố để không phải xin phép chuyển đổi mục đích sử dụng mặt bằng khi chuyên đổi ngành nghề.

Trả lời:

Căn cứ Khoản 7, Điều 11 của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07

tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, việc công bố quy hoạch quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu cấp tỉnh là thuộc trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được tiến hành ngay sau khi quy hoạch được phê duyệt, không theo thời hạn định kỳ 5 năm/lần.

Ngoài ra, Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu cũng đã hướng dẫn về hình thức và nội dung công bố quy hoạch để đảm bảo việc công bố quy hoạch được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

Tuy nhiên, công tác công bố quy hoạch hiện nay chưa được các cơ quan ban ngành của địa phương quan tâm đúng mức, cho nên nhìn chung hiệu quả của việc công bố quy hoạch chưa cao, cụ thể là không đảm bảo được việc thông tin quy hoạch được công bố công khai và đầy đủ tới cộng đồng doanh nghiệp địa phương, phần nào còn gây khó khăn cho công tác điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đây, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị UBND các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ngành liên quan nghiêm túc thực hiện việc công bố và thông báo công khai về quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

Kiến nghị số 12 (Số thứ tự 29 theo văn bản số 10245/VPCP-V.III):

Cử tri đề nghị Chính phủ ban hành những chính sách, cơ chế bình đẳng về sản xuất, kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi và công bằng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đề nghị xây dựng cơ chế bình đẳng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh trong việc ban hành các cơ chế bắt buộc, ưu đãi, cơ chế thu nộp, hỗ trợ.

Trả lời:

Cơ chế, chính sách và quy định của pháp luật hiện nay luôn hướng tới nguyên tắc bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp. Các lĩnh vực quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, lao động, thương mại... đã thống nhất giữa các

loại hình doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu. Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) phải tổ chức hình thức công ty như các loại hình doanh nghiệp khác và hầu như không còn quy định của pháp luật ưu đãi cho DNNN tiếp cận tín dụng, đất đai và các nguồn lực kinh doanh khác.

Ngoài ra, tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về môi trường kinh doanh theo hướng: Tháo bỏ rào cản, bãi bỏ hoặc bổ sung, sửa đổi các quy định lạc hậu, không phù hợp với cơ chế thị trường, với hội nhập kinh tế quốc tế; tạo cơ chế khuyến khích đầu tư đủ hấp dẫn và khả thi, trước hết là các ưu đãi về thuế và các biện pháp khuyến khích đầu tư khác để mở rộng và tăng thêm cơ hội đầu tư và kinh doanh cho khu vực kinh tế tư nhân; nâng cao hiệu lực và chất lượng quản trị quốc gia để cải thiện và nâng cấp chất lượng môi trường kinh doanh; tiếp tục đơn giản hóa, giảm thủ tục hành chính; giảm chi phí thực thi thủ tục hành chính và pháp luật đối với nhân dân và doanh nghiệp; không xây dựng, ban hành các quy định cấm hoặc hạn chế quyền kinh doanh của người dân và doanh nghiệp vì lý do yếu kém về năng lực và trình độ quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; các quy định không phù hợp với điều kiện và cuộc sống thực tế của đa số nhân dân và doanh nghiệp; khắc phục tình trạng ban hành quy định mới không bảo đảm tính khả thi, không thực hiện được hoặc thực hiện không hiệu quả, gây tổn hại đến lợi ích chính đáng của nhân dân và doanh nghiệp.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan đổi mới cơ chế phân bổ tín dụng đầu tư của Nhà nước theo hướng đảm bảo tiếp cận công bằng, bình đẳng và minh bạch đối với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp lý về tài chính, ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các ngành, các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; nghiên cứu, xây

dựng và thực hiện lộ trình cải cách phù hợp về chính sách phí sử dụng kết cấu hạ tầng theo hướng bảo đảm khả năng thu hồi chi phí đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho việc huy động vốn đầu tư từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài vào các dự án cơ sở hạ tầng.

- Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Tiếp tục mở cửa thị trường các ngành, lĩnh vực kinh doanh độc quyền tự nhiên hoặc do các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thống lĩnh hoặc giữ thị phần chi phối; hạn chế dần và kiểm soát có hiệu quả vị thế độc quyền hoặc thống lĩnh thị trường của các doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực này; xem xét, theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, đẩy nhanh thực hiện lộ trình áp dụng cơ chế giá thị trường trong cung ứng các dịch vụ công, dịch vụ hạ tầng; tiếp tục kế thừa và phát huy kết quả Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính; tiếp tục đột phá về đơn giản hóa và hợp lý hóa hệ thống thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực quản lý nhà nước như quản lý và sử dụng đất, đầu tư và xây dựng, hải quan, thuế, quảng cáo, vận tải hàng hóa và xuất nhập khẩu, vệ sinh, an toàn thực phẩm,...Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thông tin quốc gia về doanh nghiệp, tiếp tục nâng cao chất lượng, đơn giản hóa thủ tục và giảm chi phí đăng ký doanh nghiệp.

Kiến nghị số 13 (Số thứ tự 30 theo văn bản số 10245/VPCP-V.III):

Cử tri đề nghị Chính phủ trước khi ban hành mới hay điều chỉnh, thay đổi chính sách ảnh hưởng đến nền kinh tế cần thông báo kịp thời để doanh nghiệp sớm có biện pháp điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp với sự thay đổi của chính sách.

Trả lời:

Trước hết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận ý kiến góp ý này của cử tri; đồng thời, nghiên cứu, rà soát cơ chế tuyên truyền và phổ biến thông tin pháp luật để kịp thời cập nhật và thông báo những thay đổi chính sách cho doanh nghiệp.

Để tăng cường hoạt động phổ biến và giáo dục pháp luật, chính sách Quốc hội đã thông qua Luật phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012. Luật này quy định về quyền được thông tin về pháp luật, nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách; trách nhiệm của cơ quan,

tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và các điều kiện bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Đồng thời, Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chính sách./.